



TẬP ĐOÀN THAIOIL

Danh Mục Sản Phẩm



website

GIỚI THIỆU

Tập đoàn Thailoil là nhà máy lọc dầu và là nhà cung cấp các chế phẩm dầu mỏ lớn nhất Thái Lan. Được thành lập vào năm 1961, hiện chúng tôi đang vận hành một trong những nhà máy lọc dầu hiệu quả hàng đầu ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương với công suất 275.000 thùng / ngày.

Tập đoàn Thailoil được vận hành theo nguyên tắc Hoạt Động Xuất sắc, chúng tôi điều hành một chuỗi các doanh nghiệp trong lĩnh vực từ lọc dầu, sản xuất các sản phẩm hóa dầu cho tới dầu gốc bôi trơn. Ngoài ra chúng tôi còn có các doanh nghiệp liên kết để hỗ trợ hoạt động kinh doanh, ví dụ: sản xuất điện, dung môi, sản xuất năng lượng tái tạo, LAB: sản xuất chất hoạt động bề mặt, vận hành trung tâm thương mại quốc tế và kho bạc, cũng như cung cấp dịch vụ tuyển dụng nhân sự cho tập đoàn và các công ty con.

Tập đoàn Thailoil đã và đang dẫn đầu ngành công nghiệp lọc dầu Thái Lan thông qua việc tích hợp một quy trình sản xuất được tối ưu, mang lại năng suất hoạt động cao nhất. Chất lượng sản phẩm của chúng tôi luôn được đánh giá cao, nằm trong nhóm các nhà máy lọc dầu hàng đầu ở Châu Á Thái Bình Dương, với chi phí sản xuất được tối ưu, mang đến cho Thailoil một lợi thế cạnh tranh lớn.



Tập đoàn Thailoil hiện đang sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau



Thai Oil Public Company Limited

Kinh doanh xăng dầu



Thai Paraxylene Company Limited

Kinh doanh các sản phẩm hóa dầu



Thai Lube Base Public Company Limited

Kinh doanh các sản phẩm dầu gốc bôi trơn



LABIX Company Limited

Kinh doanh chất tẩy rửa LAB



TOP Solvent Company Limited

Kinh doanh dung môi & hóa chất công nghiệp



Sak Chaisidhi Company Limited



TOP Solvent (Vietnam) Limited liability Company



PT Tirta Surya Raya (Indonesia)



JSKem Pte Ltd (Singapore)



NỘI DUNG

Nhóm Sản Phẩm Xăng Dầu

Xăng nhiên liệu	1	Trang
Lưu huỳnh	2	
Dầu Naphtha	2	
Dầu Diesel	3	
Khí ga hóa lỏng	3	
Xăng cho máy bay/ Dầu hỏa	4	
Dầu nhiên liệu	5	

Nhóm Sản Phẩm Dầu Nhờn

Dầu Gốc	6	Trang
Sáp	7	
Chiết Xuất	8	
Nhựa Đường	9	

Nhóm Sản Phẩm Aromatic

Paraxylene	10	Trang
Benzene	10	
Toluene	11	
Mixed Xylene (Isomer)	11	

Nhóm Sản Phẩm LABIX

Linear Alkyl Benzene (LAB)	12	Trang
Heavy Alkyl Benzene (HAB)	12	
Raffinate (White Spirit)	13	

Dung Môi & Hóa Chất

Dung môi Hydrocarbon	14	Trang
Dung môi hóa chất	15	

NHÓM SẢN PHẨM XĂNG DẦU

Tập đoàn Thaioil có sản lượng sản xuất 12.000 triệu lít xăng dầu mỗi năm, chiếm khoảng 21% tổng sản lượng của Thái Lan, và đáp ứng được 35% nhu cầu tiêu thụ ở trong nước. Với quy trình sản xuất được tối ưu hóa tối đa giúp chúng tôi luôn giữ vững vị thế là nhà sản xuất xăng dầu hàng đầu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.



XĂNG NHIÊN LIỆU

Tập đoàn Thaioil là một trong những nhà tiên phong ở Thái Lan sản xuất xăng theo tiêu chuẩn Euro IV với những thay đổi trong đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, như giảm hàm lượng lưu huỳnh từ 500 ppm xuống dưới mức 50 ppm, giảm lượng oxit lưu huỳnh và khí thải carbon monoxide, oxit nitơ.

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
UG95	RON	95 Min	ASTM D 2699
Gasoline 95	RVP	62 kPa Max	ASTM D 4953
Mogas 95 RON	SULFUR	50 PPM Max	ASTM D 2622
UG91	RON	91 Min	ASTM D 2699
Gasoline 91	RVP	70 kPa Max	ASTM D 4953
Mogas 91 RON	SULFUR	50 PPM Max	ASTM D 2622
UG92	RON	92 Min	ASTM D 2699
Gasoline 92	RVP	70 kPa Max	ASTM D 4953
Mogas 92 RON	SULFUR	50 PPM Max	ASTM D 2622
GB95	RON	91 Min	ASTM D 2699
G-Base 95	RVP	54.5 kPa Max	ASTM D 4953
Gasoline Base 95	SULFUR	50 PPM Max	ASTM D 2622
GB91	RON	87 Min	ASTM D 2699
G-Base 91	RVP	54.5 kPa Max	ASTM D 4953
Gasoline Base 91	SULFUR	50 PPM Max	ASTM D 2622
Gasohol 91	RON	91 Min	ASTM D 2699
	RVP	62 kPa Max	ASTM D 4953
	Sulphur	50 PPM Max	ASTM D 2622
	Ethanol	10% Max	ASTM D4815 / D 6839

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
Gasohol 95	RON	91 Min	ASTM D 2699
	RVP	62 kPa Max	ASTM D 4953
	Sulphur	50 PPM Max	ASTM D 2622
	Ethanol	10% Max	ASTM D4815 / D 6839
Gasohol E20, E20	RON	95 Min	ASTM D 2699
	RVP	64 kPa Max	ASTM D 4953
	Sulphur	50 PPM Max	ASTM D 2622
	Ethanol	20% Max	ASTM D4815 / D 6839



LƯU HUỖNH

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
Sulphur	Purity	99.5 Min	SMS 754-85
Molten Sulphur	Mineral Matter	-	SMS 754-85
Liquid Sulphur	Organic Matter	-	SMS 754-85
	Acidity	0.01 Max	SMS 754-85
	Moisture Content	0.05 Max	SMS 754-85



DẦU NAPHTHA

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
Light Naptha	RON	70 Min	ASTM D 2699
	RVP	13 PSI Max	ASTM D 6378
	Sulphur	8 PPM Max	ASTM D 5453/ D 2622
	Mercury	5 wt. PPB Max	UOP938
Heavy Naptha	Density	0.73—0.78 KG/L	ASTM D 4052
	N + A	35% Vol Min	ASTM D 6839
	Sulphur	35 PPM Max	ASTM D 5453/ D 2622



DẦU DIESEL

Tập đoàn Thairoil là một trong những nhà máy dầu tiên sản xuất và phân phối dầu nhiên liệu động cơ theo tiêu chuẩn Euro IV ở Thái Lan. Với hàm lượng lưu huỳnh thấp hơn 7 lần so với các tiêu chuẩn trước đây, giúp giảm lượng khí thải ôxít lưu huỳnh, carbon monoxide và oxít nitơ, cũng như muội than và khói đèn vào bầu khí quyển, ngoài ra còn góp phần làm hiệu suất xuất hoạt động của động cơ.

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
Gasoil 50 ppm	Density @ 15°C	0.81-0.87	ASTM D 4052
Gasoil 0.005%Sulphur	ASTM Color	2 Max	ASTM D 1500
High Speed Diesel	Cetane Number	50 Min	ASTM D 613
High Speed Diesel (Base), B0			
Gasoil 500 ppm	Density @15°C	0.81-0.87	ASTM D 4052
Gasoil 0.05%Sulphur	ASTM Color	4 Max	ASTM D 1500
High Speed Diesel	Cetane Number	50 Min	ASTM D 613
Fisher Gasoil	Total Sulphur content	0.7% Max	ASTM D 2622
Gas oil 0.7% Sulphur	Flash Point	60 P Mcc. Min	ASTM D 93
	Density @ 15°C	1.8-4.1	ASTM D 4052
	ASTM Color	Green	ASTM 2392 or visual
	Cetane Number	47 Min	ASTM D 613



KHÍ GAS HÓA LỎNG

Khí Gas sau khi khai thác ở mỏ được hóa lỏng để thuận tiện cho việc vận chuyển và lưu trữ. Khí Gas hóa lỏng được sử dụng cho mục đích nấu ăn cũng như nhiên liệu động cơ ô tô và trong các nhà máy công nghiệp.

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
LPG	Vapour Pressure @ 37.8 °C	1380 kPa Max	ASTM D 1267
	95% Boiling Point @ 2.2°C	760 mmHg Max	ASTM D 1837
	Copper Strip Corrosion	No.1	ASTM D 1838



XĂNG CHO MÁY BAY/ DẦU HỎA

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
Jet A-1	Flash Point, Abel	38.0°C Min	IP170
Aviation Fuel	Saybolt Color	+20 Min	ASTM D 156
Aviation Turbine	Mercaptan Sulphur	0.003% wt Max	ASTM D 3227
DEF STAN 91-091 Issue 12, Sept 2020 AFQRJOS Issue 32, Nov 2020			
JP 8	Particulate contamination	1.0 mg/L Max	ASTM D 5452
	Final Boiling Point	300°C Max	ASTM D 86
	Flash Point, Abel	38.0°C Min	IP 170
	Freezing Point	-47°C Max	ASTM D2386
	Viscosity	8.0 mm ² /sMax	ASTM D445
Kerosene	Final Boiling Point	300°C Max	ASTM D 86
	Flash Point, Abel	38.0°C Min	IP 170





DẦU NHIÊN LIỆU

1. Fuel Oil A (FOA) là loại dầu nhiên liệu trong suốt, có độ nhớt thấp dưới 80 centistokes tại 50°C và hàm lượng lưu huỳnh thấp. FOA thích hợp để sử dụng trong các thiết bị đốt cháy sạch như lò nung dùng trong sản xuất gạch.
2. Fuel Oil C (FOC) là loại dầu nhiên liệu có độ nhớt trung bình, khoảng 180 centistokes tại 50°C, và có hàm lượng lưu huỳnh 2% theo khối lượng hoặc thấp hơn. FOC được sử dụng trong các nhà máy vừa và lớn để vận hành động cơ, tua-bin hơi nước để phát điện, hoặc được sử dụng trong các lò luyện kim loại, xi măng.
3. Dầu động cơ tàu thủy, Bunker Fuel, 3.5% lưu huỳnh và Fuel oil IMO 0.5% là các loại nhiên liệu có độ nhớt cao 380 centistokes, được sử dụng để vận hành các động cơ trên tàu viễn dương. Hàm lượng lưu huỳnh có thể tối đa là 0,5%, 3,5% hoặc 4,0% theo trọng lượng.

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
FOA	Sulphur	2% Max	ASTM D 4294
FO 2% Sulphur 80cSt	Density @15°C	0.985 Max	ASTM 4052
	Viscosity, Kinematic @ 40°C	7-80 mm ² /s Max	ASTM D 445
FOC	Sulphur	2% Max	ASTM 4294
FO 2% Sulphur 180cSt	Density @15°C	0.990 Max	ASTM D 4052
	Viscosity, Kinematic @ 50°C	81-180 mm ² /s Max	ASTM D 445
	Pourpoint	24C Max	A ASTM D 97
Bunker 3.5%	Sulphur	3.5% Max	ASTM D 4294
FO 3.5% Sulphur	Aluminium (Al) + Silicon (Si)	80 Max	IP 501
	Density @15°C	0.990 Max	ASTM D 4052
	Viscosity, Kinematic @ 50°C	380 mm ² /s Max	ASTM D 445
FO IMO 0.5%	Sulphur	0.5 % Max	ASTM D 4294
VLSFO	Aluminium (Al) + Silicon (Si)	60 Max	IP 501
FO 0.5%S	Density @15°C	0.990 Max	ASTM D 4052
	Viscosity, Kinematic @ 50°C	180 mm ² /s Max	ASTM D 445

Thông Tin Liên Hệ

☎ Điện Thoại : +66(0)-2797-2999, +66(0)-2299-0000

✉ Email : petroleumsales@thaioilgroup.com

NHÓM SẢN PHẨM DẦU NHỜN



DẦU GỐC

Dầu gốc là sản phẩm của quá trình chưng cất dầu thô, đã qua quá trình cải tiến chất lượng để trở thành dầu gốc bôi trơn nguyên chất có chất lượng cao.

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
SN 150	Kinematic Viscosity @ 100°C	4.75—5.25 mm ² /s	ASTM D 445
	Pour Point	-9°C	ASTM D 97
	Viscosity Index:	103	ASTM D 2270
	Total Sulphur, Mass%	0.6 %	ASTM D 4294
SN 500	Kinematic Viscosity @ 100°C	10.75-11.25 mm ² /s	ASTM D 445
	Pour Point	-9°C	ASTM D 97
	Viscosity Index	95	ASTM D 2270
	Total Sulphur, Mass%	0.6%	ASTM D 4294
Bright Stock BS 150	Kinematic Viscosity @ 100°C	31.0-34.0 mm ² /s	ASTM D 445
	Pour Point	-9°C	ASTM D 97
	Viscosity Index	95	ASTM D 2270
	Total Sulphur, Mass%	0.8%	ASTM D 4294





SÁP

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
150 SW	ASTM Color	0.5 Max	ASTM D 1500-91
	Oil Content, Mass%	10% Max	ASTM D 721-87(93)
	Congealing Point	51-58°C	ASTM D 938
	Kinematic Viscosity @ 100°C	2.5-5.5 Cst	ASTM D 445-94
500 SW	ASTM Color	0.5 Max	ASTM D 1500-91
	Oil Content, Mass%	13% Max	ASTM D 721-87(93)
	Congealing Point,	60-67°C	ASTM D 938
	Kinematic Viscosity @ 100°C	6.0-9.0 Cst	ASTM D 445-94
BS SW	ASTM Color	0.5 Max	ASTM D 1500-91
	Oil Content, Mass%	10% Mass%	ASTM D 721-87(93)
	Congealing Point	70-77°C	ASTM D 938
	Kinematic Viscosity @ 100°C	15.0-20.0 Cst	ASTM D 445-94





CHIẾT XUẤT

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
150 Extract	Kinematic Viscosity @ 100 °C	5-15 mm ² /s	ASTM D 445
	Flash Point, COC	180°C, Min	ASTM D 92
	Pour Point	+24°C, Max	ASTM D 97
	Aline Point	50°C, Max	ASTM D 611
	Total Sulphur	6.2 Mass% Max	ASTM D 4294
500 Extract	Kinematic Viscosity @ 100 °C	Report	ASTM D 445
	Flash Point, COC	220°C, Min	ASTM D 92
DAE	Pour Point	+30°C, Max	ASTM D 97
Rubber Processing Oil	Aline Point	60°C, Max	ASTM D 611
High Aromatic Extender Oil	Total Sulphur	6.2 Mass% Max	ASTM D 4294
BS Extract	Kinematic Viscosity @ 100 °C	60-120 mm ² /s	ASTM D 445
	Flash Point, COC	250°C, Min	ASTM D 92
RAE	Pour Point	30°C, Max	ASTM D 97
Rubber Processing Oil	Aline Point	70°C, Max	ASTM D 611
	Total Sulphur	6.0 Mass% Max	ASTM D 4294





NHỰA ĐƯỜNG

Nhựa đường hoặc hắc ín là sản phẩm nặng nhất thu được từ quá trình chưng cất dầu thô. Nhựa đường chủ yếu được sử dụng để lát vỉa hè, đường giao thông, bãi đậu xe, đường băng sân bay.

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
Bitumen 60/70	Penetration Test @ 25°C	60-70	ASTM D 5
	Softening Point	45-55°C	ASTM D 36
	Residue from Thin-Film Oven Test		
	Dynamic Shear Rheology $G^*/\sin\delta$ at 10 rad/s	1.0 Min kPa @ 64°C	ASSHTO T 315
Bitumen 40/50	Penetration Test @ 25°C	40-50	ASTM D 5
	Softening Point	48-58°C	ASTM D 36
	Thin Film Oven Test		
	Retained Penetration	58 Min	ASTMD1754 / ASTMD5
	Dynamic Shear Rheology $G^*/\sin\delta$ at 10 rad/s	1.0 Min kPa @ 70°C	AASHTO T 315

Thông Tin Liên Hệ

☎ Điện Thoại : +66(0)-2797-2999, +66(0)-2299-0000

✉ Email : lubesales@thaioilgroup.com

NHÓM SẢN PHẨM AROMATICS



PARAXYLENE

Paraxylene được sử dụng trong nhà máy hóa dầu làm nguyên liệu để sản xuất PTA (Axit Terephthalic). Hiện nay, 65% PTA được sử dụng để sản xuất sợi Polyester hoặc sợi tổng hợp, dùng làm vải cho hàng may mặc như quần áo và túi vải.

Key Property	Specifications	Test Method
Para-Xylene Purity	99.7 %wt Min	ASTM D 5917
Meta-Xylene	0.30 %wt Max	ASTM D 5917
Total Sulphur	1 mg/kg Max	ASTM D 5453 / D 7183
Total Chloride	10 mg/kg Max	ASTM D 5808



BENZENE

Benzen là nguyên liệu thô cho các nhà máy hóa dầu để tổng hợp các hóa chất bao gồm Styrene Monomer, Cumene và Cyclohexane, các chất này sau đó sẽ được tiếp tục sử dụng trong ngành công nghiệp hóa dầu để sản xuất các sản phẩm cải tiến hơn.

Key Property	Specifications	Test Method
Benzene Purity	99.8 %wt Min	ASTM D 7504
Toluene	0.10 %wt Max	ASTM D 7504
Non-Aromatics	1.5 %wt Max	ASTM D 7504



TOLUENE

Toluene có nhiều ứng dụng trong thương mại và công nghiệp, như dùng để pha trộn trong xăng để tăng giá trị Octan, ngoài ra Toluene cũng được sử dụng rộng rãi làm dung môi trong sơn, chất pha loãng, mực in, chất kết dính và thuốc trừ sâu.

Key Property	Specifications	Test Method
Toluene	99.7 %wt Min	UOP 744
Non-Aromatics	1.5 %wt Max	UOP 744
Benzene	100 mg/kg Max	UOP 744 / ASTM D7504



MIXED XYLENE (ISOMER)

Hỗn hợp Xylene là nguyên liệu chính cho các nhà máy hóa dầu để sản xuất Paraxylene. Ngoài ra Xylene cũng có thể được sử dụng để tăng chỉ số Octan trong xăng, cũng như là dung môi cho các chất phủ bề mặt, thuốc diệt côn trùng, sơn và chất kết dính, v.v.

Key Property	Specifications	Test Method
C8 Aromatics Purity	98.0 %wt Min	UOP 744
Non- Aromatics	1 %wt Max	UOP 744
Ethyl Benzene	18 %wt Max	UOP 744

Thông Tin Liên Hệ

☎ Điện Thoại : +66(0)-2797-2999, +66(0)-2299-0000

✉ Email : aromaticsales@thaioilgroup.com

NHÓM SẢN PHẨM LABIX



LINEAR ALKYL BENZENE (LAB)

LAB (Linear Alkyl Benzene) là hợp chất chính trong sản xuất chất tẩy rửa và các chế phẩm làm sạch. LAB được sản xuất thông qua quá trình alkyl hóa Benzen và Parafin, là những chế phẩm từ quá trình tinh lọc dầu thô. Hầu hết LAB sẽ được sử dụng để sản xuất LAS (Linear Alkylbenzene Sulfonate), và sau đó LAS sẽ được dùng để sản xuất chất tẩy rửa và các sản phẩm làm sạch khác.

Key Property	Specifications	Test Method
N-Alkylbenzene	92 Min	UOP 673
Molecular weight distribution	237 - 244	UOP 673
Bromine Index	10 Max	UOP 304
Density @ 15°C	0.855-0.870	ASTM D 4052



HEAVY ALKYL BENZENE (HAB)

Key Property	Specifications	Test Method
Density @ 15°C	0.860-0.890	ASTM D 4052
Kinematic Viscosity @ 40°C	10 Min	ASTM D 445
ASTM Color	5.0 max	ASTM D 1500



RAFFINATE (WHITE SPIRIT)

Key Property	Specifications	Test Method
Density @ 15.0°C	0.800-0.820	ASTM D 4052
Distillation, IBP	160.0 Min	ASTM D 86
Distillation, FBP	270.0 Max	ASTM D 86
Aromatics	15.0-25.0	ASTM D 1319



ỨNG DỤNG CỦA NHÓM SẢN PHẨM LABIX

- Bột giặt
- Nước giặt
- Nước rửa chén
- Nước lau sàn
- Thuốc diệt cỏ
- Tổng hợp Polyme
- Chất nhũ hóa
- Chất làm ướt

Thông Tin Liên Hệ

☎ Điện Thoại : +66(0)-2797-2999, +66(0)-2299-0000

✉ Email : labsales@thaioilgroup.com

DUNG MÔI & HÓA CHẤT



NHÓM DUNG MÔI HYDROCARBON

TOP Solvent sản xuất nhiều loại dung môi hydrocacbon khác nhau, bao gồm parafin, chất béo, SBPs, dầu khoáng, hỗn hợp các chất thơm. Nhóm sản phẩm này có rất nhiều ứng dụng trong công nghiệp hóa dầu, sản xuất sơn & chất phủ, chất kết dính & chất chống rò rỉ, chất tẩy rửa, thuốc diệt côn trùng, dầu ăn cho đến sản xuất lốp xe.

ALIPHATIC

- Cyclohexane
- Cyclopentane
- GTL Solvent (Gas to Liquid)
- Hexane Extraction
- Hexane Polymer
- Isopentane
- N-Pentane 95
- N-Pentane 99
- Pentane 60/40
- Pentane 80/20
- [TOPSol 60/145](#)
- [TOPSol BF](#)
- [TOPSol D40](#)
- [TOPSol D80](#)
- [TOPSol TC](#)
- [TOPSol X2000](#)

AROMATIC

- C10 Plus
- C9 Plus
- Mixed Xylene (Isomer Grade)
- Mixed Xylene (Solvent Grade)
- Toluene
- [TOPSol A100](#)
- [TOPSol A150ND](#)
- [TOPSol A200](#)

WHITE SPIRIT

- [LAWS 3040](#)
- [TOPSol 2046](#)
- [WS 200](#)





DUNG MÔI HÓA CHẤT

TOP Solvent là một trong những nhà phân phối hóa chất hàng đầu tại Châu Á. Chúng tôi có khả năng cung cấp đa dạng các chủng loại hóa chất khác nhau, từ hóa chất cơ bản cho tới các hóa chất đặc biệt được sản xuất từ các đối tác chiến lược hàng đầu trên thế giới. Không chỉ cung cấp hóa chất, chúng tôi còn trở thành đối tác cung cấp giải pháp kỹ thuật cho khách hàng của mình trong nhiều lĩnh vực như sản xuất sơn & chất phủ, chất pha loãng, chất kết dính & chất chống rò rỉ, mực in, dung dịch rửa kính, thực phẩm & đồ uống, cho tới các sản phẩm vệ sinh gia dụng, và sản phẩm chăm sóc cá nhân.

ALCOHOL	KETONE	ESTER	GLYCOL
Denatured Ethanol 95	Cyclohexanone (CYC)	Butyl Acetate (BAC)	Butyl Diglycol Ether (BDGE)
Iso-Butanol (IBA)	Diacetone Alcohol (DAA)	Butyl Glycol Acetate (EGBEA)	Butyl Glycol Ether (BGE)
Isopropanol (IPA)	Dimethyl Ketone (Acetone)	Ethyl Acetate (EAC)	Diethylene Glycol (DEG)
Methanol	Isophorone	Iso Butyl Acetate (IBAC)	Ethyl Diproxitol (EDP)
N-Butanol (NBA)	Methyl Ethyl Ketone (MEK)	Methyl Acetate (MAC)	Monoethylene Glycol (MEG)
N-Propanol (NPA)	Methyl Isobutyl Ketone (MIBK)	N-Propyl Acetate (NPAC)	Monopropylene Glycol (MPG)
		Sec-Butyl Acetate (SBAC)	TOPSol PM (PGME)
		TOPSol PMA (PGMEA)	Triethylene Glycol (TEG)

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Thái Lan

Điện Thoại : +66(0)-2797-2933, +66(0)-2299-0003
Email : solventsales_thailand@thaioilgroup.com

Việt Nam

Điện Thoại : +84-28-3827-90(30-34)
Email : solventsales_vietnam@thaioilgroup.com

Ấn Độ

Email : solventsales_india@thaioilgroup.com

Indonesia

Điện Thoại : +62-21-8082-1308
Email : solventsales_indonesia@thaioilgroup.com

Myanmar

Điện Thoại : +95-1-505-085
Email : solventsales_myanmar@thaioilgroup.com

Các nước khác

Điện Thoại : +662-797-2933
Email : solventsales@thaioilgroup.com



Thông tin liên hệ Thairoil / Thai Lube / Thai Paraxylene / Labix

Văn phòng Bangkok

555/1 Energy Complex Building A, 11th Floor
Vibhavadi Rangsit Road, Chatuchak, Chatuchak, Bangkok 10900

Điện Thoại : +66(0)-2797-2999, +66(0)-2299-0000, +66(0)-2797-2900
Fax : +66(0)-2797-2970

Nhà máy

42/1 Moo 1, Sukhumvit Road Km. 124,
Tungsukla, Sriracha, Chonburi 20230

Điện Thoại : +66(0)-3840-8500, +66(0)-3835-9000
Fax : +66(0)-3835-9019

Email

Petroleum : petroleumsales@thaioilgroup.com
Lube : lubesales@thaioilgroup.com
Aromatics : aromaticsales@thaioilgroup.com
LABIX : labsales@thaioilgroup.com

Thông tin liên hệ TOP Solvent

Trụ Sở Chính (Thái Lan)

555/1 Energy Complex Building A, 11th Floor
Vibhavadi Rangsit Road, Chatuchak, Chatuchak, Bangkok 10900

Điện Thoại : +66(0)-2797-2933, +66(0)-2299-0003
Fax : +66(0)-2797-2983

TOP Solvent Company Limited (Myanmar)

Văn Phòng Đại Diện
36-D/4, Inya Road, Kamayut Township, Yangon
Republic of the Union of Myanmar

Điện Thoại : +95-1-505-085
Fax: +95-1-505-086

TOP Solvent Company Limited (Vietnam)

18 Nguyen Co Thact Street, An Loi Dong Ward
Ho Chi Minh City

Điện Thoại : +84-28-3827-90(30-34)

PT Tirta Surya Raya (Indonesia)

Synergy Building 12th Floor, Unit 12-09,
JL Jalur Sutera Barat No 17, Alam Sutera, Panunggangan Timur,
Pinang, Kota Tangerang, Banten 15325

Điện Thoại : +62-21-8082-1308
Fax: +62-21-8082-1307

JSKEM PTE LTD (Singapore)

24 Sin Ming Lane, #06-97, Midview city, Singapore, 573970

Điện Thoại : +65 6659 1073/6659 1074
Fax: +65 6659 1075

